

Bản án số: 48/2017/DS-PT

Ngày: 31-7-2017

V/v: “Tranh chấp chia di sản
thừa kế và hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Ông Võ Minh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Phạm Thị Kim Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 322/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Trương Thị H - sinh năm 1961; cư trú tại số nhà 51 đường N, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Nguyễn Trương Thị H1 - sinh năm 1964;

3. Bà Nguyễn Trương Thị L - sinh năm 1971;

Cùng cư trú tại số nhà 107 đường Q, tổ 5, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Nguyễn Trương Thị L1 - sinh năm 1972; cư trú tại số nhà 330 đường T, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1: Bà Nguyễn Trương Thị L (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 7 năm 2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn là bà Nguyễn Trương Thị H, bà Nguyễn Trương Thị L, bà Nguyễn Trương Thị L1, bà Nguyễn Trương Thị H1: Luật sư Nguyễn Ngọc Lâm – Văn phòng Luật sư Công Anh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Trương N - sinh năm 1956;

2. Ông Nguyễn Trương T - sinh năm 1961;

Cùng cư trú tại tổ 5, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Nguyễn Trương K - sinh năm 1966; cư trú tại số nhà 197 đường N thuộc tổ 2, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Tạ Thị Bạch Y - sinh năm 1960;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y: Ông Nguyễn Trương N (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/7/2017).

2. Bà Dương Thị C - sinh năm 1964;

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Nguyễn Trương T (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/7/2017).

Cùng cư trú tại tổ 5, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Lê Thị Minh H - sinh năm 1973; cư trú tại số nhà 197 đường N, tổ 4, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Ông Nguyễn Thuyên Q - sinh năm 1951, cư trú tại tổ 13, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bà Nguyễn Thị C - sinh năm 1969, cư trú tại số 5/51 đường L thuộc tổ 9, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Q

Địa chỉ: Số 48 đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn H - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H - chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 4189/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q). Ông H có đơn xin xử vắng mặt đề ngày 20/7/2017.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là các bà Nguyễn Trương Thị H, Nguyễn Trương Thị H1, Nguyễn Trương Thị L, Nguyễn Trương Thị L1; Bị đơn là các ông

Nguyễn Trương N, Nguyễn Trương T, Nguyễn Trương K; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà Tạ Thị Bạch Y, Dương Thị C, Lê Thị Minh H.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2012, bổ sung đề ngày 03/12/2012, ngày 10/01/2013 và ngày 07/10/2014; các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là các bà Nguyễn Trương Thị H, Nguyễn Trương Thị H1, Nguyễn Trương Thị L, Nguyễn Trương Thị L1 cùng trình bày:

Cha, mẹ các bà là cụ Nguyễn Trương Hồ (chết năm 2011) và cụ Dương Thị Cúc (chết năm 2000). Cha mẹ các bà sinh được 07 người con là các ông, bà Nguyễn Trương N, Nguyễn Trương T, Nguyễn Trương K, Nguyễn Trương Thị H, Nguyễn Trương Thị H1, Nguyễn Trương Thị L và Nguyễn Trương Thị L1. Ngoài ra, cha mẹ các bà không còn người con nào khác. Cha, mẹ các bà chết không để lại di chúc và nghĩa vụ về tài chính.

Khi còn sống cha, mẹ các bà tạo lập được hai thửa đất số 160, diện tích 910m² và thửa đất số 162, diện tích 1450m², tờ bản đồ số 02, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Cha các bà là người đứng tên đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg và sổ mục kê.

Năm 2006, hai thửa đất nêu trên được biến động thành 3 thửa đất gồm thửa 158, 159 và 160, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q. Năm 2008 thửa đất số 160 tách thành 5 thửa gồm thửa 286, 287, 288, 289, 290. Tổng diện tích 7 thửa đất 158, 159, 286, 287, 288, 289, 290 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.188,5m² nhưng theo đo đạc thực tế là 3.724,7m² tại tổ 5, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể: Thửa 158 diện tích 97,5m² (đo đạc thực tế là 97,6m²) được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Trương K và bà Lê Thị Minh H ngày 20/07/2006. Thửa 159 diện tích 85m² (đo đạc thực tế 98,5m²) được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Trương T và bà Dương Thị C ngày 23/6/2006. Thửa 286 diện tích 142m², thửa 287 diện tích 149m², thửa 288 diện tích 156m², thửa 289 diện tích 160m², thửa 290 diện tích 2.399m² (đo đạc thực tế 2.921,6m²) được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cha các bà cùng ngày 29/08/2008.

Nhà cấp IV trên thửa đất 158 do cha, mẹ các bà tạo lập; anh, chị em trong gia đình chỉ góp công sức, không đóng góp tiền bạc gì. Từ nhỏ anh, chị em các bà đều sống tại căn nhà này đến khi lập gia đình ra ở riêng. Riêng bà L, sau khi cha, mẹ chết, bà L vẫn ở tại ngôi nhà này cho đến nay.

Nhà cấp II trên thửa đất 159 do vợ chồng ông T xây dựng năm 2011, sau khi cha các bà chết.

Nhà cấp III trên thửa đất 290 do vợ chồng ông N xây dựng năm 2010, khi cha các bà còn sống. Khi ông N làm nhà, gia đình họp, ông N hứa viết giấy chia đất cho các chị em, riêng bà L được chia thêm 150m² nhưng không thực hiện. Căn nhà tạm phía sau thửa 290, các bà chỉ nghe nói do ông N xây dựng sau khi cha các bà chết, còn cụ thể ai làm thì không rõ. Khi phát hiện việc xây 02 căn nhà tạm, các bà đã báo chính quyền địa phương không cho tiếp tục xây dựng.

Các bà không yêu cầu chia thừa kế nhà cấp IV trên thửa đất 158, ai nhận phần đất có nhà thì người đó được quyền sở hữu sử dụng, không phải thanh toán lại giá trị cho các bà.

Cây lâu năm, cây ngăn ngày trên đất do cha, mẹ và anh, em trong gia đình trồng nhưng các bà không yêu cầu chia giá trị, ai nhận phần đất có cây lâu năm, cây ngăn ngày thì người đó được hưởng không phải thanh toán lại giá trị cho nhau. Các bà thống nhất giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất do Hội đồng định giá đã định giá. Đối với diện tích đất tăng so với diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều là di sản thừa kế của cha, mẹ vì gia đình các bà đã sử dụng ổn định, không ai tranh chấp lấn chiếm và không lấn chiếm của ai.

Hiện phần đất phía Tây giáp đường Quang Trung đã có 03 ngôi nhà của cha mẹ các bà; của ông T, bà C và của ông N, bà Y chiếm toàn bộ diện tích mặt đường, các hướng còn lại không có đường đi nào khác vào phần đất phía sau. Khi tách thửa đất 160 thành các thửa 286, 287, 288, 289, 290 có tự chừa đường đi rộng 3m để đi trong các thửa đất phía sau nhưng thực tế không liên thông ra được bên ngoài.

Việc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 158 cho ông K, bà H và cấp thửa 159 cho ông T, bà C là không đúng pháp luật vì chữ ký và chữ viết Nguyễn Trương H trong “*giấy cho nhà và đất*” ngày 15/9/1991 đối với ông K và “*giấy cho nhà và đất*” ngày 30/06/1983 đối với ông T là giả mạo, không có chữ ký của các đồng thừa kế.

Nay các bà yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 091423, số vào sổ H 00527 do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp cho ông T, bà C đối với thửa 159, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 23/06/2006 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 200010, số vào sổ H 00576 do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp cho ông K, bà H đối với thửa 158, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 20/07/2006.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật các thửa đất số 158, 159, 286, 287, 288, 289 và 290 với tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 3.724,7m² làm 8 kỷ phần cho 7 anh, chị em các bà, mỗi người được hưởng một kỷ phần. Riêng bà L có công sức nuôi cha từ năm 2001 đến năm 2011, tương ứng với giá trị 01 kỷ phần nên bà L được nhận 02 kỷ phần. Các bà yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật.

- Yêu cầu ông N, bà Y tháo dỡ nhà cấp 3 giáp đường Quang Trung hiện ông N, bà Y đang quản lý, sử dụng để mở lối đi chung vào các thửa đất phía sau. Hai ngôi

nhà tạm phía Đông Bắc đều nằm trên thửa đất 290 xây dựng không phép, yêu cầu tháo dỡ. Các bà không đồng ý trích một phần đất làm nhà thờ từ đường như ý kiến của bị đơn.

** Tại các bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản ghi lời khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là các ông Nguyễn Trương N, Nguyễn Trương T, Nguyễn Trương K trình bày:*

Về quan hệ huyết thống các ông thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn. Về nguồn gốc đất tranh chấp, năm 2008 nguyên đơn tự tách thửa đất số 160 thành 5 thửa gồm các thửa số 286, 287, 288, 289, 290 có nguồn gốc một phần của ông, bà nội là ông Nguyễn Trương I (chết năm 1968) và bà Nguyễn Thị T (chết năm 1968) để lại nay là các thửa đất số 286, 287, 288, 289 và một phần con đường đi của thửa 290 diện tích khoảng 956m², diện tích còn lại của thửa 290 khoảng 2.050m² là di sản của cha, mẹ để lại. Sau khi ông, bà nội chết, cha các ông tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 160. Cây lâu năm, cây ngăn ngày trên đất do cha, mẹ và các anh, em trồng, các ông không tranh chấp vì giá trị không lớn, ai nhận phần đất có cây lâu năm, cây ngăn ngày thì người đó được hưởng, không phải thanh toán giá trị cho nhau.

Quá trình sử dụng đất, ông N có đồ đất trong vườn nhưng ông N không yêu cầu giải quyết, ai nhận đất thì người đó được hưởng, không phải thanh toán giá trị cho ông N.

Ngôi nhà trên thửa đất số 158 trước đây ông, bà nội và cha, mẹ ở. Năm 1986, nhà hư hỏng, ông K đã xây dựng lại ngôi nhà như hiện nay (có tận dụng một ít vật liệu của ngôi nhà cũ như đà gỗ, gạch lát nền giá trị bao nhiêu không biết) để cha, mẹ ở. Ngôi nhà trên thửa đất 290, ông N làm không có giấy phép xây dựng chỉ có đơn xin sửa chữa nhà do cha các ông đứng tên hộ nộp cho Ủy ban nhân dân phường L.

Thửa 158, 159 không còn di sản thừa kế của cha, mẹ vì khi cha còn sống đã cho ông K và ông T, hiện đã được UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K và ông T vào năm 2006.

Diện tích đất của 7 thửa theo đo đạc thực tế tăng so với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng so với giấy tờ ông, bà và cha, mẹ để lại thì còn thiếu. Theo các ông diện tích đất tăng là do nguyên đơn chỉ ranh giới có phần chưa đúng, một phần do các ông thương L1 đổi đất với ông Lê Công B về phía Bắc sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đổi cho bà Nguyễn Thị C về phía Nam trước khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ranh giới được thẳng. Việc hoán đổi đất chỉ nói miệng chứ không có giấy tờ, đổi diện tích bao nhiêu không rõ, không báo với chính quyền địa phương. Một phần ranh giới do giáp đất nghĩa địa nên biến động về phía Đông Bắc. Lúc đo đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có trừ diện tích đất có mộ nay đo thực tế không trừ diện tích đất có mộ và một phần trước đây đo thủ công, nay đo máy nên diện tích đất tăng.

Hai ngôi nhà nằm về phía Đông Bắc thuộc thửa đất số 290 là của ông Nguyễn Thuyên Q (con ông Nguyễn Trương Q, chết) và bà Nguyễn Thị C (con ông Nguyễn Văn V, chết) làm sau khi cha các ông chết và nhờ ông N trông coi hộ. Mục đích làm nhà để ông Q, bà C hưởng một phần diện tích đất của ông, bà nội để lại. Các ông không yêu cầu gì về hai ngôi nhà này, ai nhận phần đất có hai ngôi nhà thì phải thanh toán giá trị nhà cho ông Q, bà C.

Các ông thống nhất giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất do Hội đồng định giá đã định giá. Thời điểm tách thửa đất số 160 thành 5 thửa từ thửa số 286 đến thửa 290 đã có 03 ngôi nhà cấp IV giáp đường Quang Trung nên không còn lối đi nào khác vào phần đất phía sau. Thực tế hiện nay phía Đông Bắc giáp đất Nhà nước quản lý, không giáp con đường nào, kể cả các hướng khác cũng vậy.

Di sản của ông bà, cha mẹ để lại chỉ còn 5 thửa đất số 286, 287, 288, 289, 290. Nếu có căn cứ cho rằng đất tranh chấp là của ông, bà nội và cha, mẹ để lại, các ông đồng ý chia thừa kế theo pháp luật 5 thửa đất trên cho 7 anh, chị em và 3 người là chú Nguyễn Văn V, chú Nguyễn Trương Q và cô Nguyễn Thị H (họ đều đã chết nhưng trước đây chưa được ông, bà nội chia tài sản) nhưng phải chừa một phần diện tích đất làm nhà thờ từ đường. Các ông không đồng ý chia thêm cho cô L một kỷ phần do có công chăm sóc cha như cô L yêu cầu. Các ông đồng ý chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất theo diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà Tạ Thị Bạch Y, Dương Thị C, Lê Thị Minh H trình bày: Các bà thống nhất như lời trình bày của các ông N, T, K. Các bà không bổ sung gì thêm.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố Q do ông Trần Thanh H đại diện theo ủy quyền trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 091423, số vào sổ H00527 do UBND thành phố Q cấp ngày 23/6/2006 cho ông Nguyễn Trương T và bà Dương Thị C tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 6, diện tích 85m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 200010, số vào sổ H00576 do UBND thành phố Q cấp ngày 20/7/2006 cho ông Nguyễn Trương K và bà Lê Thị Minh H tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6, diện tích 97,5m² đều thuộc phường L, thành phố Q. Qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên tại thời điểm năm 2006 là đảm bảo đúng theo quy định pháp luật về đất đai, không có tranh chấp. Nay nguyên đơn yêu cầu thu hồi hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà C và ông K, bà H là không có cơ sở.*

** Tại bản tự khai và biên bản làm việc cùng ngày 29/9/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thuyên Q và bà Nguyễn Thị C trình bày: Hai ngôi nhà xây dựng nằm về phía Đông thuộc thửa đất số 290, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q do ông, bà bỏ tiền ra làm để ở và nhờ ông N trông coi hộ, xây dựng vào tháng 3/2011, không có giấy phép xây dựng. Ông, bà yêu cầu ai nhận phần đất có 2 ngôi nhà của ông, bà thì phải thanh toán giá trị nhà cho ông, bà theo giá của Hội đồng định giá là 108.998.925đ, phần mỗi người được nhận là 54.499.462đ.*

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các bà Nguyễn Trương Thị H, Nguyễn Trương Thị H1, Nguyễn Trương Thị L, Nguyễn Trương Thị L1 về tranh chấp thừa kế về tài sản là quyền sử dụng đất theo pháp luật.

2/ Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Trương H và bà Dương Thị C gồm: Nguyễn Trương N, Nguyễn Trương T, Nguyễn Trương K, Nguyễn Trương Thị H, Nguyễn Trương Thị H1, Nguyễn Trương Thị L, Nguyễn Trương Thị L1.

3/ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00576 do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp ngày 20/07/2006 cho ông Nguyễn Trương K và bà Lê Thị Minh H đối với thửa đất 158, diện tích 97,5m² (đất ở) thuộc tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4/ Di sản thừa kế của ông H và bà C có tổng giá trị là 700.540.000đ, gồm: Diện tích đất 142m² thửa 286, giá trị 61.680.000đ; diện tích đất 149m² thửa 287, giá trị 61.960.000đ, diện tích đất 156m² thửa 288, giá trị 62.240.000đ; diện tích đất 160m² thửa 289, giá trị 62.400.000đ; diện tích đất 2281,9m² thửa 290, giá trị 452.260.000đ. Các thửa đất đều thuộc tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5/ Di sản của ông H và bà C được chia 7,5 kỷ phần, trị giá thành tiền mỗi kỷ phần được nhận là 93.405.333đ, riêng bà L được nhận 1,5 kỷ phần là 140.107.999đ.

6/ Giao cho bà H được nhận diện tích đất 142m² giá trị 61.680.000đ, thuộc thửa đất 286, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q, trong đó có 100m² đất ở và 42m² đất trồng cây hàng năm khác (kí hiệu Ô -1 có sơ đồ kèm theo), có giới cận: Bắc giáp đường đi, nam giáp thửa 170, đông giáp thửa 167, tây giáp thửa 287.

Giao cho bà H1 được nhận diện tích đất 149m² giá trị 61.960.000đ, thuộc thửa đất 287, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q, trong đó có 100m² đất ở và 49m² đất trồng cây hàng năm khác (kí hiệu Ô -2 có sơ đồ kèm theo), có giới cận: Bắc giáp đường đi, nam giáp thửa 170, đông giáp thửa 286, tây giáp thửa 288.

Giao cho bà L1 được nhận diện tích đất 156m² giá trị 62.240.000đ, thuộc thửa đất 288, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q, trong đó có 100m² đất ở và 56m² đất trồng cây hàng năm khác (kí hiệu Ô -3 có sơ đồ kèm theo), có giới cận: Bắc giáp đường đi, nam giáp thửa 170, đông giáp thửa 287, tây giáp thửa 289.

Giao cho bà L được nhận diện tích đất 160m² giá trị 62.400.000đ, thuộc thửa đất 289, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q, trong đó có 100m² đất ở và 60m² đất trồng cây hàng năm khác (kí hiệu Ô -4 có sơ đồ kèm theo), có giới cận: Bắc giáp đường đi, nam giáp thửa 170, đông giáp thửa 288, tây giáp đất còn lại thửa 290.

Giao cho bà L được nhận diện tích đất 578,4m² giá trị 79.136.000đ, thuộc một phần thửa đất 290, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q, trong đó có 100m² đất ở và 478,4m² đất trồng cây hàng năm khác (kí hiệu Ô - 5 có sơ đồ kèm theo), có giới cận: Bắc giáp thửa 124, nam giáp đường đi, đông giáp phần đất thửa 290 giao cho ông K, tây giáp thửa 126, 127, 155, 156, 157.

Giao cho ông T được nhận diện tích đất 13,5m² (đất ở) giá trị 148.500.000đ thuộc một phần thửa đất 290, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q, (kí hiệu Ô - 7 có sơ đồ kèm theo), có giới cận: Bắc giáp đường đi, nam giáp nhà ông N, đông giáp đất thửa 290, tây giáp thửa 159.

Giao cho ông K được nhận diện tích đất 1562,8m², (1563,8m² -1m² đất mộ) thuộc một phần thửa đất 290, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q trị giá 219.536.000đ, trong đó có 280,4m² đất ở và 1282,4m² đất trồng cây hàng năm khác (kí hiệu Ô - 8 có sơ đồ kèm theo), có giới cận: Bắc giáp thửa 121, 124, nam giáp đường đi, đông giáp tờ bản đồ số 07, tây giáp phần đất thửa 290 giao cho bà L.

Giao cho ông K được quyền sử dụng 02 căn nhà tạm, móng đá tường xây gạch, không có mái, loại nhà NK1, diện tích 108,7m² nằm về phía đông thửa đất 290 và phải thanh toán lại giá trị căn nhà là 108.998.925đ cho ông Nguyễn Thuyên Q và bà Nguyễn Thị C, mỗi người được nhận 54.499.462đ và thanh toán lại giá trị 01 giếng đóng sâu 7,5 m trị giá 1.920.000đ cho ông Nguyễn Trương N và bà Tạ Thị Bạch Y.

Giao cho ông N được nhận diện tích đất 99,2m² đất, trị giá 3.968.000đ, (đất trồng cây hàng năm khác) thuộc một phần thửa đất 290, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q, (kí hiệu Ô - 6 có sơ đồ kèm theo), có giới cận: Bắc giáp đường đi, nam giáp thửa 170, đông giáp thửa 289, tây giáp nhà ông T, nhà ông N và thửa 162.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về công sức đổ đất và cây cối hoa màu: Tre, keo, chuối, bạch đàn, gáo vàng, khế, trâm, nhãn, dừa, mít, sầu đông... nằm trên phần đất được giao cho ai người đó được quyền sử dụng, không yêu cầu thanh toán lại giá trị.

7/ Buộc các ông, bà N, T, K, H, H1, L, L1, H phải tháo dỡ căn nhà cấp 4C, đặc điểm móng đá chẻ, tường xây gạch, mái lợp ngói, nền láng vữa xi măng diện tích khoảng 72,6m² nằm trên thửa đất 158 để mở đường đi chung thuộc tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q), đường đi kí hiệu S1 có sơ đồ kèm theo, có giới cận: Bắc giáp thửa 157, nam giáp thửa 159, đông giáp đất mở đường đi thuộc thửa 290, tây giáp đường Quang Trung.

Các đương sự không yêu cầu chia giá trị thừa kế căn nhà cấp 4C trên thửa đất 158, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q nên Hội đồng xét xử không xét.

Các ông, bà K, H, H1, L, L1 phải thanh toán lại giá trị thửa đất 158 cho ông K, bà H, trong đó phần ông K phải tự chịu giá trị đường đi là 336.346.000đ, các ông, bà N, T, H, H1, L, L1 có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị đất cho ông K, bà H, cụ thể mỗi người phải thanh toán là: Bà H 94.675.000đ, bà H1 95.103.000đ, bà L1 95.532.000đ, bà L 216.931.000đ, ông T 216.931.000đ, ông N 6.320.000đ.

Buộc các ông, bà N, T, K, H, H1, L, L1 phải mở lối đi chung diện tích 28m² đất (đất trồng cây hàng năm khác) thuộc một phần thửa đất 290, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q có trị giá 1.120.000đ. Các ông, bà N, T, K, H, H1, L, L1 được sử dụng 28m² đất làm lối đi chung được tính vào giá trị thừa kế mỗi người nêu

trên được nhận là 160.000đ, đường đi kí hiệu S2 có sơ đồ kèm theo, có giới cận: Bắc giáp một phần đất thuộc thửa 290 giao cho bà L (Ô – 8), nam giáp một phần đất thuộc thửa 290 giao cho ông N, đông giáp đường đi rộng 3m, tây giáp thửa 158 mở đường đi (S1).

Tổng giá trị thừa kế mỗi người được nhận là: Ông N 4.128.000đ, ông T 148.660.000đ, ông K 219.696.000đ, bà H 61.840.000đ, bà H1 62.120.000đ, bà L 141.696.000đ, bà L1 62.400.000đ.

Các ông, bà N, H, H1, L1 được nhận thêm giá trị còn thiếu so với một kỹ phần mỗi người được hưởng là: Ông N 89.277.333đ, bà H 31.565.333đ, bà H1 31.285.333đ, bà L1 31.005.333đ.

Giá trị thừa kế ông T, ông K, bà L được nhận nhiều hơn so với kỹ phần thừa kế mỗi người được nhận, cụ thể ông K nhận nhiều hơn 126.290.667đ, ông T nhận nhiều hơn 55.254.667đ, bà L nhận nhiều hơn 1.588.001đ nên ông K, ông T, bà L phải có nghĩa vụ thanh toán lại phần giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác, cụ thể như sau: Ông K phải thanh toán lại cho ông N 89.277.333đ, bà H 31.565.333đ, bà H1 5.448.001đ. Ông T phải thanh toán lại cho bà L1 31.005.333đ, bà H1 24.249.334đ. Bà L phải thanh toán lại cho bà H1 1.588.001đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định pháp luật.

* Ngày 16/3/2017 các bà L1, L, H1 và H có Đơn kháng cáo với nội dung: Không công nhận thừa đất số 158 và 159, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q do UBND thành phố Q cấp cho ông K, bà H ngày 20/07/2006, cấp cho ông T, bà C ngày 23/6/2006 là tài sản riêng của ông K, bà H và ông T, bà C vì đây là di sản của cụ Hồ để lại. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00527 và số H00576 do UBND thành phố Quảng Ngãi cấp ngày 23/06/2006 và ngày 20/7/2006 cho ông T, bà C và ông K, bà H. Không công nhận một phần thửa đất số 290, tờ bản đồ số 06, phường L, thành phố Q cho ông N. Xác định di sản thừa kế do cụ H để lại là 3.724,7 m² đất tại phường L, thành phố Q. Yêu cầu chia di sản bằng hiện vật, mỗi kỹ phần bằng (3.724,7 m² : 8), bà L được hưởng 2 kỹ phần do có công nuôi dưỡng người để lại di sản. Không đồng ý thanh toán giá trị nhà, đất thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6, phường L cho ông K, bà H vì đây là di sản thừa kế do cụ Hồ để lại. Bác yêu cầu bồi thường của ông Q và bà C đối với phần xây dựng trái phép.

* Ngày 17/3/2017 các ông, bà N, T, K, Y, C, H có Đơn kháng cáo với nội dung: Không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông K, bà H; không tháo dỡ nhà cấp IV thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q của ông K, bà H; không sử dụng thửa đất số 158 của ông K, bà H làm lối đi chung. Di sản thừa kế của cụ C để lại đã hết thời hiệu khởi kiện nên phải đình chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C. Trích khoảng 300m² đất để xây dựng nhà thờ, nếu nguyên đơn không đồng ý, yêu cầu giao diện tích đất của cụ C cho bị đơn để xây dựng nhà thờ. Di sản thừa kế của cụ H, yêu cầu chia theo pháp luật cho 07 người cùng hàng thừa kế sau khi tính công chăm sóc cụ H của bà L; công gìn giữ,

quản lý, bảo vệ, trùng tu cải tạo di sản của bị đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại án phí mà các thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật, phần diện tích đất và nhà ở mà cha, mẹ đã cho khi còn sống không phải di sản thừa kế của cụ H và cụ C nên chi phí thẩm định giá, cũng như án phí bị đơn không phải chịu.

Ngày 07/4/2017, ông T kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Không chấp nhận việc các nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế của cụ H. Xem xét lại diện tích đất tăng 13,5m² của thửa đất số 159, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q. Tổng diện tích đường tự chừa là 417m² làm đường đi. Chia phần đất làm nơi thờ phụng theo ý nguyện của cụ H lúc còn sống, phần đất còn lại chia thừa kế bằng hiện vật đều bằng nhau, nếu tài sản người nào nhận cao hơn theo giấy chứng nhận các thửa đất số 286, 287, 288, 289 và một phần thửa đất số 290 thì thanh toán cho người có giá trị thấp hơn.

* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi kháng nghị với nội dung: Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu tranh luận:

Thửa đất số 158 và thửa đất số 159 là di sản thừa kế của cụ H và cụ C, việc Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K, bà H và ông T, bà C là không có căn cứ, vì chữ viết, chữ ký của cụ H trong giấy cho nhà đất của ông K, ông T là giả mạo (cụ H không biết chữ). Các ông K, T cũng thừa nhận chữ ký trong các giấy tờ làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 2 thửa đất số 158, 159 không phải là của các ông. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 158 và 159 mà UBND thành phố Q đã cấp cho ông K, bà H và ông T, bà C, đồng thời xác định 2 thửa đất này là di sản thừa kế của cụ H, cụ C để chia thừa kế cho các đồng thừa kế.

Việc nguyên đơn ban đầu chỉ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H là vì trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có cụ H đứng tên. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định di sản thừa kế là tài sản chung của cụ H và cụ C, nên nguyên đơn đã có bản tự khai thay đổi yêu cầu khởi kiện là chia di sản thừa kế của cụ H, cụ C.

Các nguyên đơn yêu cầu không công nhận một phần thửa đất số 290, tờ bản đồ số 06, phường L, thành phố Q cho ông N. Không đồng ý bồi thường của ông Q và bà C đối với phần xây dựng trái phép. Không đồng ý việc bị đơn yêu cầu trích một phần diện tích đất để làm nhà thờ và chia thừa kế cho 03 người là chú Nguyễn Văn V, chú Nguyễn Trương Q và cô Nguyễn Thị H.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định di sản thừa kế do cụ H, cụ C để lại là 7 thửa đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 3.724,7 m² tại phường L, thành phố Q và chia di sản bằng hiện vật, mỗi kỹ phần bằng (3.724,7 m² : 8), bà L được hưởng 2 kỹ phần do có công nuôi dưỡng người để lại di sản.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định tại các Điều 285, 286, 290, 292, 293, 297, 298, 302 và 305 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71,72,73,75,76 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm đối với bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị:

- Về tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp di sản thừa kế*” nhưng trong bản án lại xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp thừa kế về tài sản là quyền sử dụng đất*”. Vụ án giải quyết có liên quan đến tài sản gắn liền trên đất, nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc xác định quan hệ tranh chấp của vụ án chưa đầy đủ. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ H, bản án nhận định xác định việc nguyên đơn yêu cầu chia di sản của cụ H là còn thời hiệu nhưng lại chia toàn bộ di sản của cụ H và cụ C và cũng không thụ lý bổ sung yêu cầu chia di sản của cụ C là vi phạm tố tụng.

- Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi: Ông Q, bà C đã được Tòa án cấp sơ thẩm thông báo về việc làm đơn yêu cầu độc lập nhưng ông Q, bà C không làm đơn khởi kiện, không nộp tiền tạm ứng án phí. Bản án lại tuyên ông K phải thanh toán số tiền 108.998.925đ cho ông Q, bà C là vi phạm khoản 3 Điều 195, Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bản án còn tuyên ông K phải thanh toán giá trị giếng đóng cho ông N, bà Y nhưng không buộc ông K phải chịu tiền án phí đối với các khoản thanh toán. Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tháo dỡ nhà cấp III của ông N, bà Y nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tiến hành xác minh những người ở trong ngôi nhà này là vi phạm Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với phần đất có nhà của ông N, bà Y thuộc thửa đất số 290, mặc dù vợ chồng ông N đã sử dụng nhà, đất liên tục, công khai, ổn định nhưng chưa đăng ký kê khai, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng án lệ số 03/2016 của Tòa án nhân dân tối cao để xác định phần đất có nhà của ông N thuộc thửa đất số 290 không thuộc di sản thừa kế là chưa phù hợp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế. Bản án nhận định không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00576 do UBND thành phố Q cấp cho ông K, bà H nhưng phần quyết định của bản án lại tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là mâu thuẫn, không đúng quy định của pháp luật.

- Xét kháng cáo của đương sự: Về nguồn gốc 02 thửa đất số 158, 159 được biến động từ một phần thửa đất số 160 do cụ Hồ đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 158,

159 là đảm bảo đúng pháp luật. Mặt khác, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ H còn sống, không có ai khiếu nại tranh chấp nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng án lệ số 03/2016 của Tòa án nhân dân tối cao xác định thửa đất số 158, 159 không còn là di sản thừa kế của cụ H, cụ C là phù hợp. Việc nguyên đơn kháng cáo yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 158, 159 là không có cơ sở. Theo kháng cáo của bị đơn thì phía sau đất đang tranh chấp có giáp với đường đi nội bộ Trần Công Hiến nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ còn có thể mở lối đi ở phần đất khác của thửa đất hay không, do đó cần phải xem xét lại việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 158, tháo dỡ nhà cấp IV nằm trên thửa đất số 158 giáp đường Quang Trung có giá trị lớn để mở lối đi chung để khỏi thiệt hại đến việc chia thừa kế của các đương sự, nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Đối với phần đất có nhà của ông N thuộc thửa đất số 290, như phân tích trên không thể áp dụng án lệ số 03/2016 để xác định diện tích đất 116,1m² không còn là di sản của cụ H, cụ C là không phù hợp nên kháng cáo của nguyên đơn về nội dung này là phù hợp.

Từ những phân tích trên xét thấy bản án sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung. Những vi phạm nêu trên không thể khắc phục ở cấp phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng nghị số 211/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/3/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hủy bản án sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2012 (bút lục 26), bổ sung đề ngày 10/01/2013 (bút lục 28), các bà H1, H, L và L1 xác định di sản thừa kế của cha, mẹ các bà là cụ Nguyễn Trương H và cụ Dương Thị C để lại gồm 7 thửa đất là các thửa đất số 158, 159, 286, 287, 288, 289, 290 với tổng diện tích 3.188,5m² (theo đo đạc thực tế là 3.724,7m²) thuộc tờ bản đồ số 6 tại phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và yêu cầu chia di sản thừa kế của cha cho 7 anh, chị em là các ông, bà N, T, K, H1, H, L và L1 theo pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện chưa rõ ràng, vì các bà xác định 7 thửa đất nêu trên là di sản của cha, mẹ nhưng lại yêu cầu chia di sản thừa kế của cha là 7 thửa đất nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu người khởi kiện xác định yêu cầu khởi kiện là chia di sản thừa kế của cha hay của

cha, mẹ mà tiến hành thụ lý yêu cầu khởi kiện của các bà H1, H, L và L1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H đối với toàn bộ 7 thửa đất nêu trên là thiếu sót.

Ngày 20/02/2013 Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, cùng ngày các bà H1, H, L và L1 có bản tự khai (bút lục 35, 36, 37, 38) *yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ* là 7 thửa đất nêu trên cho 7 anh, chị em theo pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo thụ lý bổ sung đối với việc nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C nhưng lại giải quyết chia di sản thừa kế của cụ C là không đúng theo quy định tại Điều 5 và Điều 174 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không giải thích cho các đương sự biết trường hợp Tòa án có căn cứ xác định di sản thừa kế của cụ H và cụ C là 7 thửa đất gồm các thửa đất số 158,159,286,287,288,289 và 290 tại phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế của cụ H và cụ C thì các đương sự có yêu cầu tính công sức, chi phí nuôi dưỡng; chi phí ma chay đối với người để lại di sản; công sức, chi phí tôn tạo, bảo quản đối với di sản của cụ H và cụ C để lại hay không để trích trừ vào di sản trước khi chia di sản thừa kế của cụ H và cụ C. Tại phiên tòa ngày 28/02/2017, nguyên đơn là bà L mới có yêu cầu tính công nuôi dưỡng đối với cụ H bằng 1 kỷ phần thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết và chấp nhận 1 phần yêu cầu của bà L về việc tính công nuôi dưỡng cụ H bằng $\frac{1}{2}$ kỷ phần thừa kế là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông N đều xác định diện tích đất có nhà của vợ chồng ông thuộc một phần thửa đất số 290, tờ bản đồ số 6, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do cụ H đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi còn sống cụ H chưa phân chia đất cho ông nên ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có nhà của vợ chồng ông. Mặt khác, trong tất cả các Bản tự khai, Biên bản làm việc, Biên bản hòa giải, Biên bản đối chất và tại phiên tòa sơ thẩm, ông N đều không có yêu cầu trừ diện tích đất có nhà của vợ chồng ông không được chia, phần diện tích đất còn lại mới chia thừa kế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng án lệ số 03/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, xác định phần đất có nhà của ông N, bà Y có diện tích 116,1m² thuộc một phần thửa đất số 290, tờ bản đồ số 6 tại phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là tài sản riêng của ông N, không còn lại di sản của cụ H và cụ C là không đúng.

Ngày 08/10/2014, nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 091423, số vào sổ H 00527 do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp cho ông T, bà C ngày 23/6/2006 đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 6, diện tích 85m² tại phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 200010, số vào sổ H 00576 do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp cho ông K, bà H ngày 20/7/2006 đối với thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6, diện tích 97,5m² tại phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu của nguyên đơn, nhưng trong bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định quan hệ tranh chấp là *hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

là thiếu sót. Tại phần nhận định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T, bà C nhưng phần quyết định của bản án lại không tuyên là chưa xem xét giải quyết yêu cầu của nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 158 và thửa đất số 159, tờ bản đồ số 6 tại phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 159, tờ bản đồ số 6, diện tích 85m² tại phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được.

Bản án sơ thẩm có những sai sót nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Các ông, bà T, N, K, H1, H, L, L1, Y, C, H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho các ông, bà có tên ở trên.

Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác sẽ được Tòa án xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác sẽ được Tòa án xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Các ông, bà Nguyễn Trương N, Nguyễn Trương T, Nguyễn Trương K, Nguyễn Trương Thị L, Nguyễn Trương Thị H1, Nguyễn Trương Thị H, Nguyễn Trương Thị L1, Tạ Thị Bạch Y, Dương Thị C, Lê Thị Minh H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho các ông, bà T, N, K, Y, H1, H, L, L1, C, H mỗi người 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các biên lai số AA/2014/0004577, AA/2014/0004578, AA/2014/0004579, AA/2014/0004580, AA/2014/0004582, AA/2014/0004583, AA/2014/0004584, AA/2014/0004585, AA/2014/0004586, AA/2014/0004587 cùng ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND TP Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan